

Bản án số: 07/2022/HS-PT-NCTN

Ngày: 21-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thái Lan và bà Đậu Thị Quy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLPT-HS-NCTN ngày 14 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Hng B, do có kháng cáo của bị cáo B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Hng B, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Thôn Quảng Đức, xã An Thạch, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 và bà Hồ Thị Lệ Hòa, sinh năm 1957; vợ: Nguyễn Lê Bích PH, sinh ngày 18/6/2001; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Danh Tương - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Danh, Tộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; (Có mặt).

Người bị hại: Nguyễn Lê Bích PH, sinh ngày 18/6/2001; nơi cư trú: Thôn Tiên Châu, xã An Ninh Tây, huyện T, tỉnh Phú Yên; (có mặt).

Người làm chứng:

-Vợ chồng bà Lê Thị T TH, sinh năm 1978, ông Nguyễn Văn Bu, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Tiên Châu, xã An Ninh Tây, huyện T, tỉnh Phú Yên; (Bà TH có mặt, ông B vắng mặt).

-Vợ chồng ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954, bà Hồ Thị Lệ Hòa, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Quảng Đức, xã An Thạch, huyện T, tỉnh Phú Yên; (Bà H có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hng B với Nguyễn Lê Bích PH, sinh ngày 18/6/2001 có quan hệ tình cảm. Vào ngày 24/12/2016, được sự đồng ý của ông Nguyễn Văn T, bà Hồ Thị Lệ Hoa là cha mẹ ruột của B; ông Nguyễn Văn Bu, bà Lê Thị T TH là cha mẹ ruột của PH, nên PH về nhà B ở tại thôn Quảng Đức, xã An Thạch, huyện T, sống như vợ chồng với B nhưng không tổ chức lễ cưới truyền thống do Phương chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Cùng ngày 24/12/2016, tại phòng ngủ ở nhà B, được sự đồng ý của PH, nên B đã có hành vi giao cấu với PH. Đến tháng 01/2017 B tiếp tục giao cấu với PH lần thứ 2. Sau khi PH phát hiện mang thai thì B và PH không giao cấu nữa. Đến 14/10/2017 PH sinh con là Nguyễn Hng Bảo Quỳnh; đến năm 2019 PH tiếp tục sinh con là Nguyễn Hng Bảo Quân, thời điểm này do PH đủ tuổi nên PH và B đã đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2019 và đăng ký khai sinh cho các con. Tuy nhiên, đến năm 2021 Nguyễn Lê Bích PH nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện T. Qua thụ lý đơn, Tòa án nhân dân huyện T phát hiện có dấu hiệu phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi*”, nên chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 121/KL-C09C, ngày 10/02/2022 của Phân viện kỹ Thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Nguyễn Hng Bảo Quỳnh là con đẻ của Nguyễn Hng B và Nguyễn Lê Bích PH.

Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên: Bị cáo Nguyễn Hng B phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”; Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54, 38 của Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Hng B 01 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2022 bị cáo Nguyễn Hng B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Do nhận thức pháp luật của cha mẹ bị cáo, cha mẹ bị hại, bị cáo và bị hại còn thấp; bị cáo phạm tội là có phần lỗi của cha mẹ hai bên; bị cáo phạm tội là do bị cáo yêu thương bị hại trên cơ sở xây dựng hạnh phúc gia đình chứ bị cáo không biết vi phạm pháp luật nên dẫn đến phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

-Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Hng B tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Bị cáo B là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện nhận thức nhưng đã thực hiện hành vi giao cấu với bị hại khi bị hại dưới 16 tuổi. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, tâm sinh lý của người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, đây là lứa tuổi chưa phát triển Hn thiện cả về tinh thần và thể chất, là khách thể được pháp luật bảo vệ, nên cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[2] Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cùng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, xét về nhân thân, về nguyên nhân phạm tội cũng như hậu quả đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; được người bị hại xin nhẹ giảm hình phạt. Tại cơ quan điều tra cha mẹ ruột của bị cáo và cha mẹ ruột của bị hại đều thừa nhận bị cáo phạm tội là do có sự sắp xếp, đồng ý cha mẹ hai bên, tạo điều kiện cho bị cáo

và bị hại sống chung như vợ chồng nên bị cáo mới phạm tội. Ngoài ra, trình độ học vấn của bị cáo còn thấp, chưa học xong tiểu học, nên nhận thức về pháp luật bị hạn chế.

Xét về hậu quả đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo bị truy tố theo điểm d khoản 2 Điều 145 là đúng theo quy định của pháp luật vì hậu quả có thai, nhưng hậu quả bị cáo gây nên là Hn toàn mong muốn từ các bên: Bị cáo, bị hại, cha mẹ của bị cáo, cha mẹ của bị hại, vì cha mẹ hai bên đều mong muốn bị cáo và bị hại trở nên vợ chồng, có sự chuẩn bị, đồng ý cho bị cáo và bị hại ngủ chung nên bị cáo mới giao cấu với bị hại nhiều lần và kết quả có thai là phù hợp với thực tế. Hậu quả có thai đối với hành vi phạm tội của bị cáo trong trường hợp này là các bên cùng biết trước và cùng chấp nhận.

Như vậy, Tòa sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử giảm nhẹ cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhưng xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là cao, nên cần xem xét xử giảm nhẹ và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin được xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội nhiều lần, nên yêu cầu của bị cáo không phù hợp với quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị cáo về yêu cầu xin hưởng án treo.

Các phần khác của Quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Bị cáo kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2022/HSST, ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hng B phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Hng B 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Hng B phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND huyện T;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Phòng NVKT-THA;
- CA huyện T;
- PV 27 (1);
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Quang